

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Liêm.
2. Bà Nguyễn Thị Minh Huân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 665/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Anh T – sinh năm 1984. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện B1, tỉnh B2.

Bị đơn: Ông Trần Bảo T1 - sinh năm 1979. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 10, phường P1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phan Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Bảo T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương đến ngày 25/01/2010 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B1, tỉnh B2. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm, nên cuộc sống

chung không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng bà đã cố gắng hòa giải nhiều lần để cùng tiếp tục chung sống lo cho con nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2016 thì vợ chồng bà về thành phố P, tỉnh Bình Thuận sinh sống. Kể từ cuối năm 2016, bà và ông T1 đã sống ly thân, bà về sống ở nhà mẹ ruột ở xã B, huyện B1, tỉnh B2, còn ông T1 ở tại nhà mẹ ruột của ông T1 ở thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Từ đó đến nay không ai quan tâm ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay bà T xác định bà đã hết tình cảm với ông T1 nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1.

Về con chung: bà và ông T1 có 01 con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 25/12/2010, con đang ở với ông T1. Nguyên vọng của bà sau khi ly hôn bà tiếp tục giao con cho ông T1 nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Bảo T1 trình bày tại bản tự khai ngày 11/12/2020 tại Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Phan Anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau đến ngày 25/01/2010 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B1, tỉnh B2. Trong quá trình chung sống có một vài mâu thuẫn xảy ra, mỗi lần như vậy bà T đều bỏ nhà đi, dù rằng mâu thuẫn với những lý do không đáng, nhưng bà T bỏ nhà đi đến nơi khác sống từ cuối năm 2016 đến nay, không quan tâm đến con, bỏ mặc con cho ông nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông thừa nhận chưa thấu hiểu hết vợ. Nay ông xác định còn có thể hàn gắn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông T1 và bà T có 01 con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 25/12/2010, con đang ở với ông. Nếu Tòa án vẫn giải quyết ly hôn thì nguyên vọng sau khi ly hôn ông sẽ tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã hai lần tiến hành mở phiên hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa T1 hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do là chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông T1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định không còn tình cảm với ông T1. Bà T và ông T1 đều xác nhận vợ chồng ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, mạnh ai nấy sống chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã hòa giải nhưng hai lần ông T1 đều vắng mặt, do vậy đề

ngợi Tòa án áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, bà T ông T1 xác nhận có 01 con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 25/12/2010, con đang ở với ông T1. Nguyên vọng của bà T giao con cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn, ông T1 chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Bảo T1 đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khu phố 10, phường P1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do vậy bà Phan Anh T khởi kiện xin ly hôn ông Trần Bảo T1, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Ông Trần Bảo T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T1 vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án T1 hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Anh T và ông Trần Bảo T1 là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyền số I/2010 ngày 25/01/2010 của UBND xã B, huyện B1, tỉnh B2.

Nguyên đơn bà Phan Anh T kiện xin ly hôn ông Trần Bảo T1 vì bà cho rằng ông bà không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm, nên cuộc sống chung không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Bị đơn ông Trần Bảo T1 cũng xác nhận vợ chồng ông bà có mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2016 đến nay, ông cho rằng mâu thuẫn chỉ nhỏ nhặt, do ông chưa thấu hiểu vợ, vẫn có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông T1 không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập ông đến Tòa án để T1 hành hòa giải nhiều lần thì ông T1 đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông T1 đã bỏ mặc, đồng thời bà T cũng không có nguyện vọng tiếp tục chung sống và cương quyết đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông T1.

Như vậy cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận: vợ chồng không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2016 đến nay, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã kéo dài một thời gian nhưng vợ chồng không hòa giải được chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục. Cả ông và bà đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình; bà T yêu cầu ly hôn, ông T1 mặc dù không đồng ý ly

hôn nhưng bỏ mặc không có mặt khi Tòa án T1 hành hòa giải nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[2] *Về con chung*: bà T, ông T1 xác nhận có 01 con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 25/12/2010, con đang ở với ông T1. Bà T có nguyện vọng sau khi ly hôn giao con cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con, ông T1 cũng đồng ý tiếp tục nuôi con, chưa yêu cầu bà T cấp dưỡng; cháu Trần Bảo L hiện trên 07 tuổi có nguyện vọng muốn được ở với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn, do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con tên Trần Bảo L, sinh ngày 25/12/2010 cho ông Trần Bảo T1 tiếp tục nuôi dưỡng, ông T1 chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T, ông T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Phan Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Anh T được ly hôn với ông Trần Bảo T1.

Về con chung: Bà Phan Anh T và ông Trần Bảo T1 có 01 con chung tên: Trần Bảo L, sinh ngày 25/12/2010 (giới tính: Nam). Giao con chung cho ông Trần Bảo T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Ông Trần Bảo T1 chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Bà Phan Anh T và ông Trần Bảo T1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Bà Phan Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Không ai có quyền ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông T1 xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí:

Bà Phan Anh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008252 ngày 09/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P; bà T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (22/3/2021), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND TP. P;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. P;
- UBND xã B1, tỉnh B2;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy Tiên